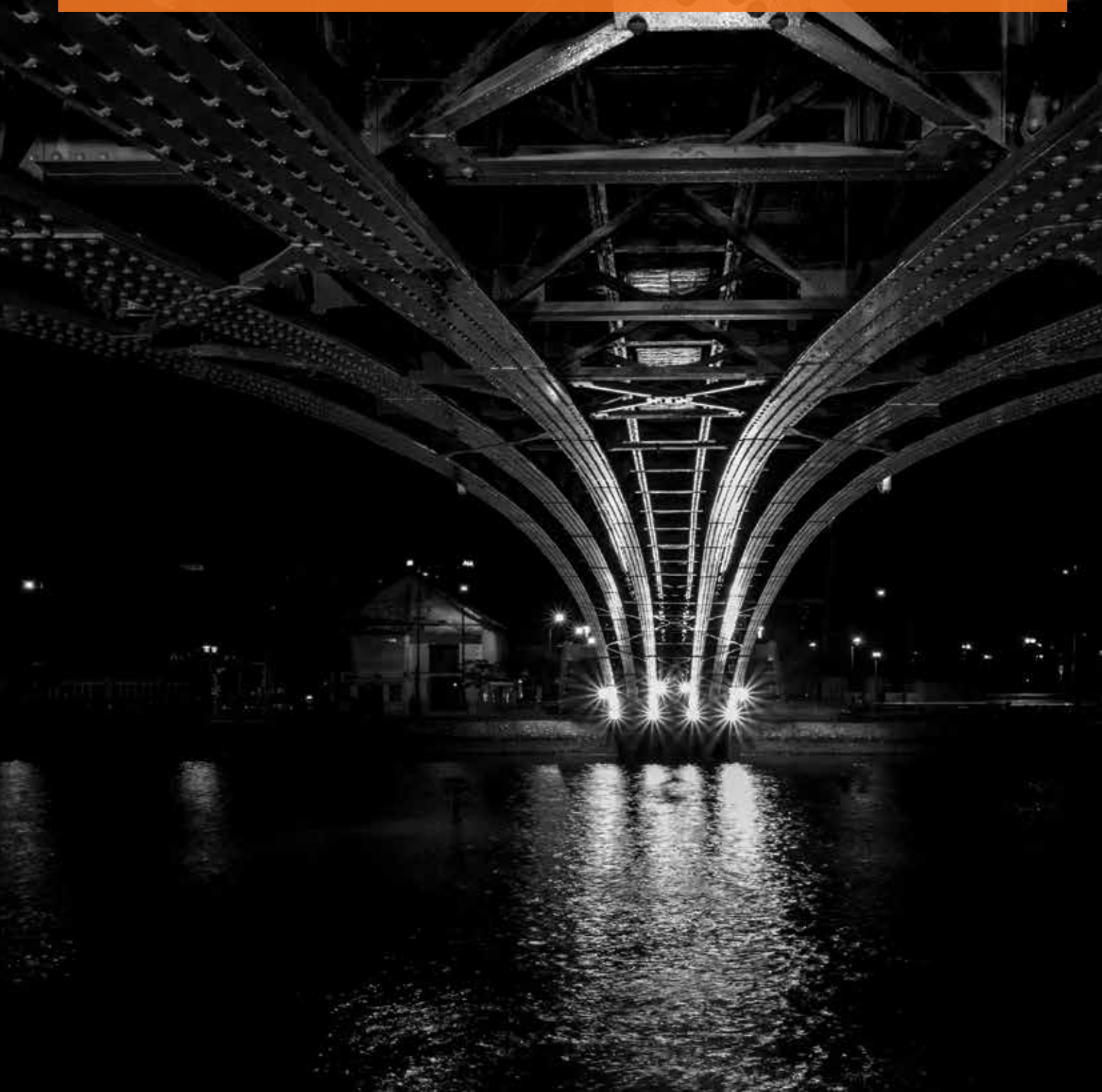


# ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# //2013

[www.navifico.vn](http://www.navifico.vn)



# ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2013





# Mục lục

//01

## **Thông tin chung**

Thông tin khái quát - Quá trình hình thành và phát triển - Ngành nghề và các địa bàn kinh doanh - Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý - Định hướng phát triển - Các rủi ro.

//02

## **Tình hình hoạt động trong năm**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh - Tổ chức và nhân sự - Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án - Tình hình tài chính - Cơ cấu Cổ đông, thay đổi chủ sở hữu.

//03

## **Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh - Tình hình tài chính - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý - Kế hoạch phát triển trong tương lai.

//04

## **Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công ty**

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công ty - Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty - Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị.

//05

## **Quản trị Công ty**

Hội Đồng Quản Trị - Ban Kiểm Soát - Thủ lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý năm 2013.

//06

## **Kế hoạch hoạt động năm 2014**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 - Công tác tổ chức.

//07

## **Báo cáo Tài Chính**

Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Thuyết minh tài chính.

# THƯ NGỎ của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa quý cổ đông,*

Sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và những ứng dụng vào thực tiễn phục vụ con người ngày càng đòi hỏi sự năng động của các doanh nghiệp; nó làm thay đổi về nhận thức đối với những hành vi và ứng xử của con người đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên đã ban tặng cho nhân loại.

Trong nhiều năm qua, Công ty cổ phần Nam Việt đã nhiều lần cố gắng thích nghi với sự thay đổi về môi trường kinh doanh mà tính hội nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt trong giai đoạn suy thoái kinh tế; bên cạnh việc tái cấu trúc, điều chỉnh qui mô; công ty đã liên tục ứng dụng các tiến bộ công nghệ nhằm tìm kiếm và duy trì sự ổn định và phát triển mục tiêu hoạch định; tích cực tìm các giải pháp về tài chính - công nghệ - hợp tác phân phối. Để các nỗ lực của chúng ta có được kết quả như mong muốn, cần nhìn nhận một số trở ngại qua đó chúng ta sẽ đưa ra những định hướng đúng đắn cho sự phát triển của công ty trong nhiều năm tới.

## **Nhận định các trở ngại**

Sản phẩm tấm xi măng sợi sử dụng loại sợi cốt liệu truyền thống đang phổ biến trong ngành tấm lợp Việt Nam với công nghệ đã qua hàng trăm năm tuổi, sản phẩm đơn điệu... nhu cầu thị trường đang dần suy giảm.

Đối với kinh doanh sản xuất chế biến gỗ, kể từ khi tham gia đến nay công ty luôn ở thế bị động đối với đối tác (trong chuỗi cung ứng và tiêu thụ) dù chúng ta đã nỗ lực tìm kiếm và hợp tác với nhiều khách hàng Anh, Pháp, Nhật, Mỹ...

## **Định hướng của công ty**

*Cần điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh theo xu thế phát triển “sạch, xanh” của thế giới:*

Căn cứ vào thời gian tái tạo tài nguyên thì gỗ nguyên liệu có chu kỳ ngắn nhất trong các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xu thế xem SXCB gỗ là loại hình công nghiệp sạch và xanh thay cho “bụi và nhân công rẻ” trước đây; tập trung chuyên môn hóa.

Đối với SX VLXD, cần đổi mới công nghệ sản xuất, thay thế dần loại sợi cốt liệu truyền thống bằng việc đa dạng hóa sợi cốt liệu (cellulose, PVA, ...) để phù hợp với xu thế phát triển của thị trường và thế giới.

## **NAVIFICO trước các cơ hội và thách thức đối với xu thế mới**

*Công ty cổ phần Nam Việt đang có sẵn những điều kiện thỏa mãn cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình:*

Nguyên liệu sản xuất chế biến gỗ của công ty chủ yếu là gỗ tràm nội địa mà Việt Nam có khoảng 40.000 ha rừng trồng có chứng chỉ FSC (qui trình quản lý, khai thác rừng bền vững). Công ty đã xây dựng và triển khai tổ chức sản xuất theo qui trình FSC – CoC – được Tổ chức FSC thế giới công nhận – đây là điều kiện quan trọng để có thể tiếp tục đưa sản phẩm gỗ Việt Nam thâm nhập vào thị trường thế giới. Công ty đã và đang cùng các đối tác xây dựng và củng cố chuỗi cung ứng (xây dựng vệ tinh tại nơi nguồn nguyên liệu) và chuỗi tiêu thụ các sản phẩm sử dụng gỗ có chứng chỉ FSC.

Đang tổ chức sản xuất tấm xi măng với loại sợi cốt liệu mới với công nghệ sản xuất mới tham gia thị trường nội địa và xuất khẩu; nghiên cứu tăng cường mẫu mã các sản phẩm xi măng sợi... theo nhu cầu thị trường vật liệu.

*Nhưng để tồn tại và phát triển Công ty Cổ phần Nam Việt đang đối diện với các thách thức: Ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.*

Chuẩn bị công tác di dời nhà máy trước năm 2020. Cần nghiên cứu và xây dựng phương án di dời cũng như khai thác mặt bằng hiện hữu ( theo hướng phi sản xuất ) một cách hiệu quả

Cần xây dựng một đội ngũ cán bộ có năng lực thực sự, có chuyên môn và kinh nghiệm để xây dựng và hoàn chỉnh các dự án và các giải pháp chọn sớm đệ trình cho ĐHCĐ.

Đó là những vấn đề trăn trở chúng tôi muốn chia sẻ với quý cổ đông và tại ĐHCĐ này chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của quý vị.

Thay mặt hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các vị khách quý, các bằng hữu cùng đồng hành với CTCP Nam Việt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Chúc quý vị sức khoẻ, thành đạt và hạnh phúc.

TP. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2014  
Thay mặt Hội đồng Quản trị



Tôn Thất Mạnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## //1. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT  
NAM VIET JOINT STOCK COMPANY**

Giấy CNĐKDN

Số **0302205973**, đăng ký lần đầu ngày  
**01/02/2001** của Sở Kế Hoạch Đầu Tư  
Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi  
lần **9** ngày **08/07/2013**

Vốn điều lệ

**80.000.000.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

**80.000.000.000 đồng**

Địa chỉ

**18 F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước  
Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**

Số điện thoại

**(84) 837313443 - (84) 837313642 -**

**(84) 837313991**

Số fax

**(84) 837313641**

Website

**www.navifico.vn**

Email

**naviinfo@navifico-corp.com**

Mã cổ phiếu

**NAV**

**Ban Kiểm Sát**

Phòng  
Quản Lý  
Chất Lượng

Phòng  
Kế Hoạch  
Kinh Doanh

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Nam Việt (NAVIFICO) tiền thân là Công ty Nam Việt thành lập năm 1963, là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất tấm lợp xi măng.

Năm 1975, NAVIFICO chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2000, trở thành Công ty cổ phần Nam Việt.

Ngày 22 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

•Ngành nghề kinh doanh: sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất chế biến gỗ.

•Địa bàn kinh doanh: Việt Nam, Châu Âu, Úc, Hoa Kỳ.

# SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội Đồng Quản Trị

Thư Ký Công Ty

## Ban Tổng Giám Đốc

Phòng  
Kế Toán  
Tài Chính

Văn Phòng  
Công Ty

Xí Nghiệp Gỗ  
Nam Việt

Xí Nghiệp Sản  
Xuất Tấm Lợp  
Và Cấu KIỆN  
Bê Tông

(NAVI 1)

Xí Nghiệp  
Cơ Khí  
Chế Tạo

(NAVI 2)

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### Các xí nghiệp

Xí nghiệp Sản xuất tấm lợp và cấu kiện bê tông

Xí nghiệp Cơ khí chế tạo

Xí nghiệp Gỗ Nam Việt

### Phòng ban chức năng :

- Văn Phòng Công ty
- Phòng Kế toán Tài chính
- Phòng Kế hoạch Kinh doanh
- Ban Quản lý chất lượng

## 5. Công ty liên kết:

Công ty CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SAIGON (SDC)

Trụ sở chính: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất xi măng dân dụng và xi măng đặc chủng, sản xuất chế biến gỗ.

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng

Tỷ lệ cổ phần Công ty NAVIFICO sở hữu tại SDC: 38,33%

## 6. Định hướng phát triển

Nhiệm vụ quan trọng của 2014-2015 của Công ty là phải **“PHỤC HỒI NIỀM TIN”** của các Cổ đông, thông qua:

- *Duy trì được qui mô sản xuất.*
- *Cải thiện tính thanh khoản của Công ty, tích cực thu hồi các khoản nợ và xử lý vật tư hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển các loại.*
- *Giã tăng tính cạnh tranh của Công ty bằng nguồn nhân lực chuyên nghiệp, năng động (sắp xếp tinh gọn nhân sự và nâng cao tính kỷ luật tuân thủ trong sản xuất).*

### Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tập trung phát triển sản phẩm xi măng sợi tạo sự đột phá về chủng loại, mẫu mã của sản phẩm xi măng sợi PVA trong hai năm 2014-2015.

Tham gia Hội nghị IIBCC tại Việt Nam để xây dựng hình ảnh và thương hiệu của NAVIFICO.

Thực hiện tốt quy trình FSC - CoC, tăng 20% năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng theo yêu cầu khách hàng.

Xây dựng chuỗi cung ứng, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm của Công ty đảm bảo lợi ích hài hòa cho các bên tham gia phân phối và tiêu thụ.

Tăng cường cơ hội tìm kiếm khách hàng và đối tác vốn – công nghệ sản xuất - thị trường tiêu thụ.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty tại thị trường trong nước và gia tăng xuất khẩu những sản phẩm của Công ty tại thị trường nước ngoài.

### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Duy trì thực hiện các giải pháp:

- *Giảm thiểu khói, khí, chất thải công nghiệp, tiết kiệm điện năng.*
- *Tăng cường tính tuân thủ pháp luật, chú trọng sở hữu trí tuệ và bản quyền phần mềm phục vụ việc sản xuất và kinh doanh.*
- *Giã tăng các hoạt động xã hội và phát triển cộng đồng dân cư.*



**Phát triển sản phẩm  
Tấm Xi Măng Sợi**

**Xây dựng hình ảnh  
thương hiệu NAVIFICO**

**Tăng cường tìm kiếm  
khách hàng và đối tác**

**Thực hiện quy trình  
tăng năng suất và  
chất lượng  
FSC-CoC**

**Xây dựng  
chuỗi cung ứng  
sản xuất tiêu thụ**

## **Mục tiêu chủ yếu của NAVIFICO 2014**

### **7. Các nguyên nhân và các rủi ro 2013:**

Nhìn chung mãi lực của thị trường liên tục giảm trong những năm qua đã tác động đến tất cả các thành phần kinh tế, cung vượt cầu, khiến đa phần các doanh nghiệp muốn thúc đẩy tiêu thụ, gia tăng lợi nhuận ngày càng trở nên khó khăn.

Về vĩ mô, để ngăn chặn nguy cơ giảm phát các quốc gia tiến hành giải pháp kích thích kinh tế, kích thích tiêu dùng bằng cách bơm tiền vào nền kinh tế với lãi suất thấp qua các gói hỗ trợ tài chính.

Tình hình nợ xấu chậm cải thiện, hoạt động của doanh nghiệp kém hiệu quả.

Căng thẳng về giảm phát khiến các ngân hàng khó khăn trong việc thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng và các doanh nghiệp ngày càng thận trọng hơn trong việc chi tiêu nhất là khi phải triển khai các quyết định đầu tư mới.

Xu hướng tiết kiệm chi tiêu gắn liền với tỷ lệ lao động thất nghiệp tăng, suy giảm tổng cầu tiêu dùng.

Các chính phủ đối diện với việc thâm hụt nợ công, buộc phải tiếp tục cắt giảm chi tiêu ngân sách.



# Tình Hình Hoạt Động 2013

# 2013

# 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Tóm tắt tình hình thực hiện kế hoạch 2013

Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2013	TH 2013	SO 2012	SO KH
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	171,720,539,452	203,214,000,000	186,937,500,476	108.86%	91.99%
Tổng lợi nhuận trước thuế	4,912,320,937	12,119,000,000	4,717,910,677	96.04%	38.93%

- Chỉ tiêu tiêu thụ tấm lợp chỉ đạt 78% sản lượng so kế hoạch tiêu thụ 2013, 86.64% so với 2012
  - Doanh số chế biến gỗ 2013 đạt 114.17% so kế hoạch, 149.76% so với 2012. Trong đó gỗ xuất khẩu **2,913,820 USD**
  - Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 4,718 tỷ đạt 38.93% so kế hoạch thông qua đại hội là 12,119 tỷ, bằng 96.04% so thực hiện 2012.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh tấm lợp so kế hoạch: giá bán giảm 0.89%; Sản lượng tiêu thụ giảm 22%, lượng hàng tồn kho cao, chi phí trên từng đơn vị sản phẩm: lãi vay tăng 58.35%, chi phí hoạt động tăng 14.60%, lợi nhuận đạt 45.17% so kế hoạch.
- Năm 2013 có trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi 2,714,838,778 đồng.

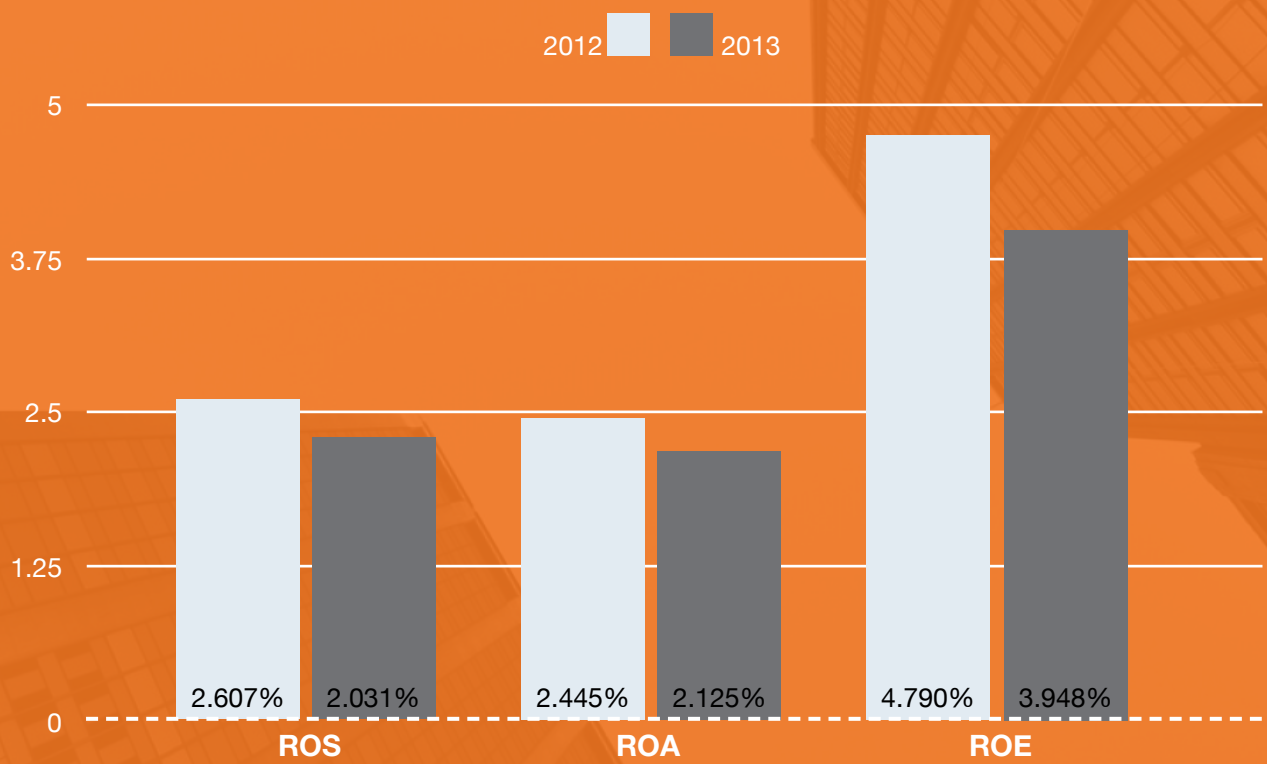
Riêng khoản chi phí trả lãi tiền vay 2013 tăng 30.63% so năm 2012 (1,146 tỷ đồng) do sử dụng vốn vay dự trữ sản xuất và tồn kho cao vượt định mức nhu cầu vốn lưu động.

Chi phí dự trữ hàng hóa tồn kho cao, sức tiêu thụ yếu, cụ thể:

- Sức mua trên thị trường giảm, lượng tiêu thụ tấm lợp giảm 13.36% so với cùng kỳ 2012.
- Tồn kho hàng hóa chậm luân chuyển thành phẩm gỗ, vật tư nguyên liệu gỗ chưa có chuyển biến đáng kể.
- Các khoản nợ và các rủi ro từ phía bất động sản chậm triển khai Công ty đã tiến hành khởi kiện đòi nợ (2 vụ) tại Tòa án thành phố Hồ Chí Minh; vụ việc đang được cơ quan chức năng xử lý.

NAVIFICO tập trung giữ vững định hướng tái cấu trúc về vốn, sắp xếp nhân sự bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn, gắn liền việc nâng cao năng lực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, đồng thời tiến hành các biện pháp quản lý dòng tiền hướng đến mục tiêu cải thiện tốc độ các phương diện:

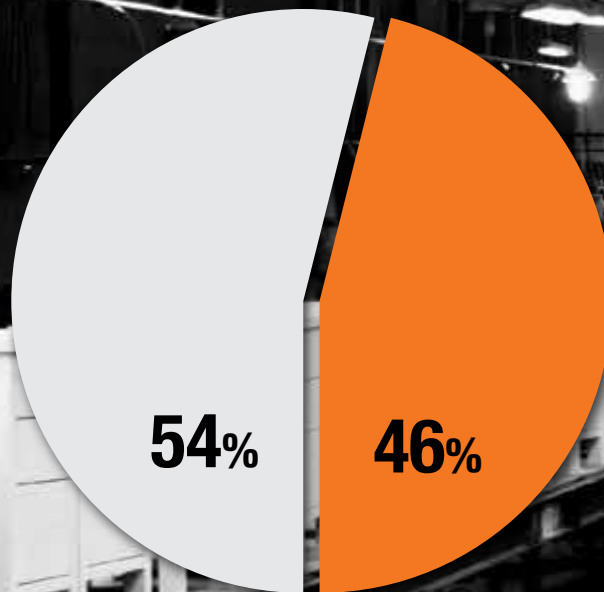
- Đầu vào sản xuất: cung cấp đúng, đủ và kịp thời vật tư, nguyên liệu.
- Tăng tốc độ bán hàng và tích cực thu tiền về Công ty



Các chỉ số điều hành

Cơ cấu nguồn vốn

2013



Vốn chủ sở hữu   Nợ phải trả

Tăng trưởng:

Chỉ tiêu tăng trưởng cuối kỳ	2012	2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	183,119,047,667	178,703,446,614	-2.41%
Doanh thu thuần	171,720,539,452	186,937,500,476	8.86%
Lợi nhuận trước thuế	4,912,320,937	4,717,910,677	-3.96%
Lợi nhuận sau thuế	4,476,932,421	3,797,140,258	-15.18%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### • Hội Đồng Quản Trị

Ông **TÔN THẮT MẠNH**  
Ông **VŨ HẢI BẰNG**  
Ông **NGUYỄN VĂN NAM**  
Ông **BÙI HẢI QUÂN**  
Ông **LÊ VĂN BẢY**  
Ông **NGUYỄN VŨ THỊNH**  
Ông **LÊ HỮU THUẤN**

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

### • Ban kiểm soát

Ông **NGUYỄN ĐÌNH MINH**  
Ông **VŨ THÁI HÒA**  
Ông **NGUYỄN NGỌC DŨNG**

Trưởng Ban Kiểm Soát  
Thành Viên Ban Kiểm Soát  
Thành Viên Ban Kiểm Soát

### • Ban Tổng Giám Đốc

Ông **PHẠM HUỆ HÙNG**  
Ông **LÊ VĂN TRÁNG**  
Ông **PHẠM MINH TUYẾN**

Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám Đốc

Danh Sách	Chức Danh	Trình Độ Văn Hoá	Số Cổ Phần Nắm Giữ (Nav)		Trình Độ Chuyên Môn	Tham Gia	Các Chức Danh Khác
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>							
Ông <b>Tôn Thất Mạnh</b>	CT HĐQT	12/12	84,640	1.06%	Cử Nhân QTKD	Không Điều Hành	PCT HĐQT CTCPPT SAIGON
Ông <b>Vũ Hải Bằng</b>	TV HĐQT	12/12	729,346	9.12%	Cử Nhân Luật	Không Điều Hành	CT HĐQT - C.ty WOODLAND VĨNH PHÚC
Ông <b>Nguyễn Văn Nam</b>	TV HĐQT	12/12	140,000	1.75%	Trung Cấp Kế Toán	Không Điều Hành	TV HĐQT CTCPPT SAIGON
Ông <b>Bùi Hải Quân</b>	TV HĐQT	12/12	311,720	3.90%	Cử Nhân QTKD	Độc Lập	PCT HĐQT NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VP BANK), CT HĐQT CTCK VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG, CT HĐQT CTCP Đầu Tư VIỆT HẢI
Ông <b>Lê Văn Bảy</b>	TV HĐQT	12/12	3,328	0.04%	Cử Nhân QTKD	Điều Hành	
Ông <b>Nguyễn Vũ Thịnh</b>	TV HĐQT	12/12	41,984	0.52%	Cử Nhân Tài Chính	Không Điều Hành	CTHĐQT - TGD CTCPPT SAIGON
Ông <b>Lê Hữu Thuận</b>	TV HĐQT	12/12	28,000	0.35%	Cử Nhân TCKT	Điều Hành	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>							
Ông <b>Nguyễn Đình Minh</b>	Trưởng BKS	12/12	-	0.00%	Đại Học Kinh Tế	Không Điều Hành	Trưởng BKS CTCPPT SAIGON
Ông <b>Vũ Thái Hòa</b>	TV BKS	12/12	62,180	0.78%	Kỹ Sư Cơ Khí	Độc Lập	TV HĐQT CTCP VĨNH HÀ , TV HĐQT CTCPPT SAIGON
Ông <b>Nguyễn Ngọc Dũng</b>	TV BKS	12/12	93,856	1.17%	Tiến Sĩ Khoa QTCN	Độc Lập	
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>							
Ông <b>Phạm Huệ Hùng</b>		12/12	-		Kỹ Sư Cơ Khí, Cử Nhân Kinh Tế	Tổng Giám Đốc	
Ông <b>Lê Văn Tráng</b>		12/12	27,696	0.35%	Cử Nhân Kinh Tế	Phó TGD	
Ông <b>Phạm Minh Tuyển</b>		12/12	27,748	0.35%		Phó TGD	Kỹ sư chế tạo máy, Cử nhân QTKD
<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>							
Bà <b>Thái Thanh Thủy</b>		12/12	25,600	0.32%	Cử Nhân Kinh Tế	Kế Toán Trưởng	
<b>THƯ KÝ CÔNG TY</b>							
Ông <b>Nguyễn Trung Minh Anh</b>		12/12			Thạc Sĩ - Kinh Tế Tài Chính		



Công ty thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động về Bảo hiểm lao động, Bảo hiểm y tế - xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ lễ, tết và phép năm theo qui định.

Tổng số lao động của Công ty:	475 người
Lao động trực tiếp:	337 người
Lao động gián tiếp:	94 người
Lao động phụ trợ:	44 người

Phân loại theo trình độ chuyên môn:

Sau đại học	3 người
Đại học	47 người
Cao đẳng	33 người
Trung cấp	27 người
Công nhân kỹ thuật	103 người
Công nhân lành nghề	165 người

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các biện pháp dự phòng

#### Các khoản đầu tư:

Đầu tư tài chính tại Công ty cổ phần Phát triển Sài Gòn (SDC) NAVIFICO có 38.33% vốn điều lệ của SDC, cổ tức trung bình là 12%/năm, từ năm 2013 có mệnh giá là: 17,247,150,000 đồng.

Khoản vốn tham gia vào dự án khu Biệt thự Hiệp Bình Phước, đang được tập trung giải quyết thu hồi vốn.

#### Các khoản trích lập dự phòng:

Xu hướng giá hàng hóa giảm, tiêu thụ chậm, tồn kho cao vv... nên Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển là: 2,005,873,557 đồng.

Đối với các khoản nợ khó đòi, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng theo qui định là 2,714,838,778 đồng, số dư đến cuối kỳ 31/12/2013 là: 7,767,838,172 đồng và đang tiến hành thủ tục pháp lý khởi kiện 02 vụ tại Tòa án nhân dân TP.HCM.

## 4. Tình hình tài chính :

Các chỉ tiêu	2012	2013
<b>Chi tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.54	1.59
Hệ số thanh toán nhanh		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.61	0.60
<b>Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.49	0.46
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.96	0.86
<b>Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho		
Giá Vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	1.91	1.97
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.94	1.05
<b>Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2.61%	2.03%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4.79%	3.95%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.44%	2.12%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.06%	2.33%



## 5. Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tổng số cổ phần phổ thông : 8.000.000 cổ phần

Cơ cấu Cổ đông:

Cổ đông tổ chức	26.14%	Cổ đông cá nhân	73.97%
Cổ đông trong nước	94.81%	Cổ đông nước ngoài	5.06%
Cổ đông nhà nước	20.00%	Các Cổ đông khác	80.00%



# Báo Cáo Và Đánh Giá Của Ban Tổng Giám Đốc





## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### Sự kiện thay đổi nhân sự quản lý ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Sau Đại hội Cổ đông thường niên 2012 công tác tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý có sự điều chỉnh theo hướng:

- Duy trì sự ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức lãnh đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Cụ thể là từ ngày 01/07/2013:

- Thay đổi Ban Tổng Giám Đốc và bổ nhiệm Ban Tổng Giám Đốc mới.
- Thay đổi bộ máy tổ chức Công ty (như Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý bên trên)

### Phân tích tổng quan:

Khách quan

- Do tổng cầu sụt giảm, trong khi khả năng cung ứng không đổi, dẫn đến việc cạnh tranh trong cùng ngành

hàng ngày càng gay gắt, khiến chi phí bán hàng tăng cao, lợi nhuận biên không đáng kể (giá vốn/doanh thu thuần tăng 1.15% so 2012)

•Về sản xuất tấm lợp, do sức cầu trong nước giảm nên sản lượng tiêu thụ tấm lợp của NAVIFICO giảm theo 13,36% so năm 2012.

•Về sản xuất chế biến gỗ, chủ yếu sử dụng nguyên liệu trong nước, nhưng do nguồn nguyên liệu này thiếu qui hoạch trong việc khai thác và trồng rừng, dẫn đến chất lượng gỗ không ổn định, ảnh hưởng đến nguồn cấp nguyên liệu và giá cả thường xuyên biến động.

Chủ quan

•Việc tiếp cận các đơn hàng có số lượng lớn và tìm kiếm khách hàng có năng lực tài chính, công nghệ, thị trường mới... đang là những hoạt động mà công ty cần tiếp tục nỗ lực hơn.

### Những hoạt động kĩ thuật sản xuất và kinh doanh đã làm trong năm 2013

- Hoàn chỉnh trang thiết bị và tiến hành sản xuất tấm

xi măng sợi PVA với nhiều cấp phối đạt được một số thành quả nhất định.

- Tập trung khai thác nguồn nguyên liệu gỗ, giấy kraft ...tìm kiếm nhà cung ứng ổn định.
- Đàm phán thương lượng với các đối tác về sự hợp tác ổn định cho các bên trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiên trì thực hiện các giải pháp kỹ thuật theo quy trình sản xuất Hợp qui hợp chuẩn, đào tạo và nâng cao kỹ năng quản lý trong việc thực hiện FSC.

## 2. Tình hình tài chính

Hệ số khai thác tài sản 2013 thấp: 2.12% (năm 2012: 2.44%)

Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu năm 2013 có cải thiện.

Vòng quay tổng tài sản tăng 11.70% so 2012.

Vòng quay hàng tồn kho tăng 3.14% so 2012.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Sử dụng các công cụ cảnh báo trong tổ chức sản xuất-cung ứng nguyên vật liệu gắn với quy trình sản xuất và kỳ hạn giao hàng.

Gia tăng công tác quản lý nhân sự và quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác xúc tiến thương mại tìm kiếm khách hàng ( cung ứng, công nghệ và thương mại).

Chú trọng các nguy cơ suy giảm năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý điều hành.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm xi măng sợi, tiếp xúc khách hàng tiềm năng và triển khai các phương án kinh doanh.

Hợp tác với các đối tác có tiềm lực về tài chính, công nghệ và kỹ năng tổ chức phân phối quản lý kinh doanh.







**Đánh Giá Của Hội Đồng Quản Trị  
Về Hoạt Động Của Công Ty**

**04**

## 1.Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công Ty

Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức các cuộc thảo luận và quyết định định hướng phát triển Công ty, giám sát việc triển khai của Ban Điều Hành, giải quyết ngay các vấn đề tồn tại và phát sinh mới trong kỳ.

Các Phòng Ban chức năng Công ty chịu trách nhiệm cung cấp và giải trình các thông tin, báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

### Thực hiện chính sách quản trị Công ty nhất quán:

Tuân thủ chính sách, chế độ tài chính.

Tuân thủ Điều lệ Công ty.

Tuân thủ Quy chế điều hành hoạt động.

### Nguyên nhân không hoàn thành các chỉ tiêu của ĐHCĐ 2013:

Công tác dự báo đã không lường định được các rủi ro nhất là rủi ro về thị trường, đối tác, giá nguyên vật liệu... (yêu cầu tính ổn định về giá cả và khối lượng theo chu kỳ 6 tháng hoặc cả năm). Có sự suy giảm về năng lực cạnh tranh trong cùng ngành hàng, do có sự thay đổi trong quản lý lãnh đạo và điều hành, ảnh hưởng đến việc theo dõi công tác kinh doanh.

Những lí do trên đã dẫn đến việc xây dựng kế hoạch chỉ tiêu cao hơn nhiều so với kết quả thực hiện.

## 2.Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty

### Trong năm 2013, Công ty có sự thay đổi về nhân sự sau Đại hội đồng Cổ đông.

Ban Điều Hành mới đã tổ chức thực hiện các biện pháp “Kỷ luật trong sản xuất kinh doanh”:

•Yêu cầu toàn thể cán bộ công nhân viên, công nhân sản xuất tuân thủ qui trình, qui phạm, nội quy sản xuất, vệ sinh công nghiệp.

•Nghiêm chỉnh chấp hành “Lệnh sản xuất”.

Tiếp tục hợp tác và hoàn thiện công nghệ sản xuất tấm xi măng sợi PVA cùng các đối tác như: Viện Công Nghệ - Bộ Công Thương, ELKEM – Na Uy; Weyerhaeuser – Hoa Kỳ, Kuararay – Nhật Bản.

### Nhận xét về công tác quản lý Công ty:

Cần xem xét lại việc phân công, cải tổ bộ máy quản lý phù hợp để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tăng cường công tác quản lý vốn và chi phí.

Tổ chức lại hoạt động sản xuất theo hướng chuyên môn hóa.

Triển khai các hoạt động thuê ngoài (các công việc chuyên môn chuyên ngành và chuỗi liên kết tận thu sản phẩm).

Chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp và kỷ luật lao động.

Sớm xây dựng Quy chế lương, thưởng “gắn thu nhập với hiệu quả kinh doanh” để kịp thời động viên người lao động phát huy hết năng lực và hoàn thành vượt mức yêu cầu cho từng vị trí đảm nhận.

Các phòng, ban, đơn vị sản xuất phải có báo cáo phân tích đánh giá mức độ thực hiện các chỉ tiêu và công việc được phân công hàng quý nêu rõ những nguyên nhân chưa hoàn thành.



### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị.**

Chi tiết hóa kế hoạch tài chính quý, năm cho các đơn vị và giám sát kết quả thực hiện.

Xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm, thị trường trong từng giai đoạn phù hợp với khả năng tài chính Công ty.

Nghiên cứu, sắp xếp lại đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hợp tác với các đối tác có thế mạnh và lợi thế kinh doanh mà Công ty còn yếu và thiếu.





**Quản Trị Công Ty**

**05**



## 1. Hoạt Động Của Hội Đồng Quản Trị 2014:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2013, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị thường xuyên họp với Ban Điều Hành:

- Họp định kỳ đánh giá tình hình tài chính tuần, tháng, quý.
- Quản lý bằng quy chế và các quy định cụ thể rõ ràng các thủ tục báo cáo.
- Họp giao ban hàng tuần xử lý ngay các vướng mắc phát sinh.
- Rà soát năng lực tài chính và sản lượng tiêu thụ của các đại lý phân phối, các điểm bán sản phẩm của Công ty. Tổ chức đối chiếu công nợ thường xuyên.

Thống kê thành viên sở hữu lớn hơn hay bằng 3% số cổ phần phổ thông theo danh sách của TTLKCK cung cấp nhằm xây dựng mối quan hệ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc hoạt động của Công ty.

Nghiên cứu và mở rộng tầm hoạt động – đầu tư tài chính (chuyển nhượng dự án, kết hợp huy động vốn) đối với khu đất 18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B và việc di dời nhà máy sản xuất.

Xây dựng qui trình, qui phạm và nội quy sản xuất, các chính sách giá kinh doanh.

**Thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan :**

<b>Stt</b>	<b>Tên Tổ Chức/Cá Nhân</b>	<b>Chức Vụ/Mối Quan Hệ Với Cổ đông Nội Bộ</b>	<b>Sở Hữu (Cổ Phần)</b>	<b>Tỷ Lệ Sở Hữu (%)</b>
<b>1</b>	<b>Tôn Thất Mạnh</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>	<b>84,640</b>	<b>1.06%</b>
	Nguyễn Thị Diệu Lan	Vợ	40,000	0.50%
	Tôn Nữ Ái Lan	Con	-	0.00%
	Tôn Nữ Quỳnh Hương	Con	-	0.00%
	Tôn Nữ Thị Liên	Em	92,000	1.15%
<b>2</b>	<b>Lê Hữu Thuấn</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>28,000</b>	<b>0.35%</b>
	Đặng Thị Tàu	Mẹ	-	0.00%
	Trần Thị Lệ Xuân	Vợ	-	0.00%
	Lê Ngọc Thơ	Con	-	0.00%
	Lê Hữu Thuyên	Con	-	0.00%
	Lê Hữu Luật Thông	Anh	12,108	0.15%
<b>3</b>	<b>Vũ Hải Bằng</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>729,346</b>	<b>9.12%</b>
	Nguyễn Thị Bích Hằng	Vợ	-	0.00%
	Vũ Triều Dương	Con	-	0.00%
	Vũ Hoàng Linh	Con	-	0.00%
	Vũ Hoàng Thi	Con	-	0.00%
	Vũ Nhật Khải	Bố	-	0.00%
	Bùi Thị Hội	Mẹ	-	0.00%
	Vũ Diệp Liên	Em gái	-	0.00%
<b>4</b>	<b>Nguyễn Vũ Thịnh</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>41,984</b>	<b>0.52%</b>
	Lương Thị Xuân Hương	Vợ	61,200	0.77%
	Nguyễn Văn Hoàn	Cha ruột	-	0.00%
	Nguyễn Thảo Phương	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đức Thông	Con	-	0.00%
<b>5</b>	<b>Lê Văn Bảy</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>1,600,000</b>	<b>Đại diện vốn Nhà nước</b>
	Lê Văn Bảy		3,328	0.04%
	Võ Thị Ôi	Vợ	-	0.00%
	Lê Thị Tuyết Linh	Con	-	0.00%
	Lê Thị Ngọc Trang	Con	-	0.00%
<b>6</b>	<b>Nguyễn Văn Nam</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>140,000</b>	<b>1.75%</b>
	Nguyễn Thị Phan	Vợ	16,000	0.20%
	Nguyễn Anh Tuấn	Con	-	0.00%
	Nguyễn Anh Kiệt	Con	-	0.00%
	Nguyễn Anh Vũ	Con	100,000	1.25%
	Nguyễn Phan Anh Duy	Còn nhỏ	-	0.00%
<b>7</b>	<b>Bùi Hải Quân</b>	<b>Thành viên HĐQT</b>	<b>311,720</b>	<b>3.90%</b>
	Kim Ngọc Cẩm Ly	Vợ	-	0.00%
	Bùi Cẩm Thi	Con	-	0.00%
	Bùi Hải Ngân	Con	-	0.00%

## Hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành.

Tham gia ý kiến về công tác tổ chức điều hành sản xuất, yêu cầu Ban TGD giải trình về các quyết định sản xuất, quan điểm điều hành, biện pháp ứng phó với hoạt động thu hồi vốn, công nợ khó đòi của Công ty.

**Danh sách các thành viên Hội Đồng Quản Trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty và tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm.**

	Họ Tên	Chức danh	Đã tham dự hội thảo QTCT do [IFC & SGD-CK]	Chưa có chứng chỉ QTCT
1	Tôn Thất Mạnh	Chủ tịch HĐQT	x	x
2	Lê Hữu Thuận	Thành viên HĐQT		x
3	Vũ Hải Bằng	Thành viên HĐQT		x
4	Nguyễn Vũ Thịnh	Thành viên HĐQT		x
5	Lê Văn Bảy	Thành viên HĐQT		x
6	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT		x
7	Bùi Hải Quân	Thành viên HĐQT		x



## 2. Ban Kiểm Soát

Năm 2013, Ban Kiểm Soát thường xuyên phân tích, đánh giá và đưa ra nhận định mức độ hoàn thành chỉ tiêu. Thông qua sự phối hợp với Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc cùng lượng định và đánh giá các rủi ro tuân thủ, các rủi ro tiềm tàng như chậm thu hồi các khoản nợ phải thu, tồn đọng hàng hóa chậm luân chuyển đồng thời rà soát hạn chế các sai sót trong nghiệp vụ tài chính ghi nhận.

Cùng với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc giám sát việc tuân thủ:

- Chính sách, chế độ tài chính
- Điều lệ Công ty
- Quy chế quản trị Công ty
- Nội quy Công ty

Cụ thể:

- Tăng cường việc giám sát và quản lý dòng tiền
- Điều chỉnh cơ cấu sử dụng vốn
- Lưu ý đến các rủi ro pháp lý đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty

Đề xuất các giải pháp :

Ban Tổng Giám Đốc cần tăng cường tìm kiếm các đối tác. Làm tốt công tác dự báo thị trường, để tổ chức sản xuất, tổ chức tiêu thụ không để giá trị tồn kho thành phẩm cao, giá trị sản phẩm dờ dang kéo dài, công nợ phải thu chậm thu hồi và hạ thấp dư nợ vay ngân hàng.

Vấn đề tăng trưởng – tái cơ cấu:

- Phải chú trọng đến phục hồi sản xuất, thu hồi công nợ, tập trung công tác tiêu thụ và tìm kiếm thị trường cho sản phẩm tấm lợp PVA.
- Công tác xây dựng kế hoạch và dự báo phải trên cơ sở thực tế, phù hợp với hướng phát triển dài hạn của Công ty.
- Mục tiêu kinh doanh là “**Sản xuất để tìm kiếm lợi nhuận**”, cần có những quyết sách điều hành.
- Chú trọng công tác huy động vốn và giải pháp về vốn cho mục tiêu phát triển và di dời nhà máy.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty :

Ban Kiểm Soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên số 0613240/AISC-D7 về Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31-12-2013, lập ngày 14-03-2014.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty:

\*Ban Kiểm Soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các Cán Bộ Quản Lý của Công ty có gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ban Kiểm Soát và Công ty.

\*Người quản lý của Công ty đã thể hiện sự nỗ lực quyết tâm trong việc quản lý, điều hành Công ty nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế chậm phục hồi.

Đánh giá kết quả phối hợp Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và các Cổ đông.

Sự phối hợp của Ban Kiểm Soát đối với Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc đã và đang phát huy trong việc kiểm soát rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành khi cần có quyết định kinh doanh mới và duy trì các hoạt động của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của Cổ đông.

Ban Kiểm Soát kiến nghị :

- Nhanh chóng tìm biện pháp hạ thấp tồn kho (hàng chậm luân chuyển- có bộ phận chuyên xử lý).
- Giám sát tỷ lệ nợ vay, tăng cường thu hồi nợ của khách hàng
- Hạ mức lợi nhuận kỳ vọng của doanh nghiệp để cân đối tài chính.
- Công ty có thể bán các khoản đầu tư sinh lời .

**Thành viên Ban Kiểm Soát và những người có liên quan :**

<b>Stt</b>	<b>Tên Tổ Chức/Cá Nhân</b>	<b>Chức Vụ/Mối Quan Hệ Với Cổ đông Nội Bộ</b>	<b>Sở Hữu (Cổ Phần)</b>	<b>Tỷ Lệ Sở Hữu (%)</b>
1	Nguyễn Đình Minh	Trưởng BKS	-	0.00%
	Lê Thị Bê	Mẹ	-	0.00%
	Nguyễn Thanh Nhân	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Anh Thư	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đình Minh Khang	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đình Ái	Em trai	-	0.00%
2	Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên BKS	93,856	1.17%
	Đinh Thị Bích Thanh	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Trung Nghĩa	Con	-	0.00%
	Nguyễn Trọng Nhân	Con	-	0.00%
3	Vũ Thái Hòa	Thành viên BKS	62,180	0.78%
	Bạch Lê Phương	Vợ	-	0.00%
	Vũ Hải Linh	Con	-	0.00%

### 3. Thù lao Hội Đồng Quản Trị - Ban Kiểm Soát - Ban Tổng Giám Đốc và Người quản lý năm 2013 :

Họ Tên	Thù Lao HĐQT BKS 2013	Tiền Lương Thực Nhận 2013	Tổng Cộng 2013	Ghi Chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
Tôn Thất Mạnh	8,351,956	211,506,146	219,858,102	
Lê Hữu Thuận	8,351,956	270,121,145	278,473,101	
Vũ Hải Bằng	8,351,956		8,351,956	
Nguyễn Văn Nam	8,351,956		8,351,956	
Nguyễn Vũ Thịnh	8,351,956		8,351,956	
Lê Văn Bảy	8,351,956	184,731,481	193,083,437	Giám Đốc XN
Bùi Hải Quân	5,351,956		5,351,956	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>				
Nguyễn Đình Minh	8,351,956	138,075,184	146,427,140	
Vũ Thái Hòa	8,351,956		8,351,956	
Nguyễn Ngọc Dũng	5,351,956		5,351,956	
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>				
Phạm Huệ Hùng		273,360,345	273,360,345	TGD
Lê Văn Tráng		195,792,937	195,792,937	P. TGD
Phạm Minh Tuyển		177,867,447	177,867,447	P. TGD
<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>				
Thái Thanh Thủy		205,900,917	205,900,917	
<b>THƯ KÝ CÔNG TY</b>				
Nguyễn Trung Minh Anh		217,974,442	217,974,442	

#### Phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị về các giao dịch Hợp đồng với Cổ đông nội bộ, có liên quan Cổ đông nội bộ trong năm 2013

- DNTN Nam Vũ đại diện là Ông Nguyễn Anh Kiệt, giá trị giao dịch bán: 19,124,911,685 đồng “V/v tiêu thụ sản phẩm tấm lợp của Công ty” là Người có liên quan với thành viên HĐQT Nguyễn Văn Nam.
- Ông Nguyễn Vũ Thịnh (TGD CTCPPPT Saigon) giá trị giao dịch mua: 29,474,448,601 đồng “V/v cung cấp xi măng công nghiệp cho việc sản xuất tấm lợp”.

#### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty 2013

Thực hiện công tác công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.



# Kế Hoạch Hoạt Động Năm 2014



## 1. Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh năm 2014:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 209,910,000,000 đồng (112.29% so năm 2013)
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 10,600,000,000 đồng (224.68% so năm 2013)
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu : 5.05%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ : 13.25%

## 2. Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2014:

Trích lập quỹ :

Quỹ đầu tư và phát triển : được trích lập 8% từ lợi nhuận sau thuế (không trích nữa).

Quỹ dự phòng tài chính : được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng : được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.

Quỹ phúc lợi : được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.

Mức chi cổ tức năm 2014 : 9%/ năm

## 3. Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2014 :

Mức thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2014: 3% lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ.

## //7. Báo cáo tài chính

Các chi tiết thuyết minh có thể xem trên website của công ty.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

**Tổng Giám đốc**  
  
**Phạm Huệ Hùng**









# Báo Cáo Tài Chính

# 07

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc.  
Công ty Cổ phần Nam Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CỔ PHẦN NAM VIỆT, được lập ngày 31/12/2013, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CỔ PHẦN NAM VIỆT tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ THU THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0978-2013-05-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>1/1/2013</b>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>130,181,483,340</b>	<b>136,052,715,753</b>
<b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>1,456,188,721</b>	<b>5,401,944,760</b>
1 Tiền	111		1,456,188,721	5,401,944,760
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43,960,426,460</b>	<b>45,936,600,714</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	V.02	37,306,909,370	37,338,781,318
2 Trả trước cho người bán	132	V.03	11,797,588,803	12,148,351,421
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.04	2,623,766,459	1,668,022,158
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(7,767,838,172)	(5,218,554,183)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>80,834,144,387</b>	<b>81,644,306,897</b>
1 Hàng tồn kho	141		82,840,017,944	83,842,101,951
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,005,873,557)	(2,197,795,054)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,930,723,772</b>	<b>3,069,863,382</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	793,478,844	1,033,615,333
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,178,104,136	1,101,474,313
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.08	552,863,785	424,050,938
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	406,277,007	510,722,798

TÀI SẢN		Mã số	TM	31/12/2013	1/1/2013
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48,521,963,274</b>	<b>47,066,331,914</b>
	<b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>				
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36,959,738,247</b>	<b>35,568,231,914</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21,074,544,323	14,325,765,011
	Nguyên giá	222		55,683,435,774	47,741,412,731
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34,608,891,451)	(33,415,647,720)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224			
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	13,774,278,800	13,774,278,800
	Nguyên giá	228		14,674,377,750	14,674,377,750
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(900,098,950)	(900,098,950)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	2,110,915,124	7,468,188,103
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>11,498,100,000</b>	<b>11,498,100,000</b>
1	Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		11,498,100,000	11,498,100,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>64,125,027</b>	-
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		64,125,027	-
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	263		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>178,703,446,614</b>	<b>83,119,047,667</b>

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	31/12/2013	1/1/2013
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>82,527,545,777</b>	<b>89,662,972,248</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81,732,439,548</b>	<b>88,610,515,229</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	60,446,290,794	56,166,079,819
2	Phải trả cho người bán	312	V.15	13,459,848,771	11,475,540,652
3	Người mua trả tiền trước	313	V.16	185,855,396	6,884,396,546
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	37,782,342	1,074,137,479
5	Phải trả người lao động	315		3,343,308,829	2,279,029,916
6	Chi phí phải trả	316	V.18	1,789,160,732	1,898,537,392
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2,379,106,652	8,814,143,004
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		91,086,031	18,650,421
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>795,106,228</b>	<b>1,052,457,019</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		795,106,228	1,052,457,019
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	31/12/2013	1/1/2013
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>96,175,900,836</b>	<b>93,456,075,419</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>96,175,900,836</b>	<b>93,456,075,419</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414		(190,000)	(190,000)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		8,383,356,498	8,079,585,277
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		2,453,461,458	2,377,518,653
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,339,272,880	2,999,161,489
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>178,703,446,614</b>	<b>183,119,047,667</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	TM	31/12/13	1/1/13
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại (USD)		5,517.02	7,647.39
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. HCM, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Trần Thị Mỹ Thạnh

  
Thái Thanh Thủy

  
Phạm Huệ Hùng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	186,937,500,476	171,720,539,452
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.22	186,937,500,476	171,720,539,452
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.23	160,376,355,452	145,351,989,374
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>26,561,145,024</b>	<b>26,368,550,078</b>
<b>(20 = 10 - 11)</b>				
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	1,234,629,145	3,692,935,934
Chi phí tài chính	22	VI.25	5,202,552,177	3,971,458,152
7 Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,887,240,333	3,741,250,301
8 Chi phí bán hàng	24	VI.26	6,441,931,108	8,479,698,522
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	11,791,670,076	14,072,878,177
<b>10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4,359,620,808</b>	<b>3,537,451,161</b>
<b>(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>				
11 Thu nhập khác	31	VI.28	371,553,386	1,464,816,608
12 Chi phí khác	32	VI.29	13,263,517	89,946,832
13 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		358,289,869	1,374,869,776
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4,717,910,677</b>	<b>4,912,320,937</b>
<b>(50 = 30 + 40)</b>				
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	920,770,419	435,388,516
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3,797,140,258</b>	<b>4,476,932,421</b>
<b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>				
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.32	473	560

TP. HCM, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Trần Thị Mỹ Thạnh

  
Thái Thanh Thủy

  
Phạm Huệ Hùng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4,717,910,677</b>	<b>4,912,320,937</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	2,968,802,613	3,221,400,605
Các khoản dự phòng	03		2,357,362,492	5,778,623,794
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(9,624,168)	(425,786,816)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,143,829,577)	(3,117,837,441)
Chi phí Lãi vay	06	V.37	4,887,240,333	3,741,250,301
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>13,777,862,370</b>	<b>14,109,971,380</b>
Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(427,850,744)	(12,381,462,447)
Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		1,002,084,007	(12,873,743,569)
Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(4,288,101,857)	(5,007,092,858)
Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		176,011,462	(511,837,606)
Tiền Lãi vay đã trả	13		(4,887,240,333)	(3,741,250,301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,877,046,277)	(3,485,378,712)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(79,450,000)	(481,027,607)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3,396,268,628</b>	<b>(24,371,821,720)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác</b>	<b>21</b>		<b>(4,541,272,893)</b>	<b>(4,934,232,072)</b>
<b>2 Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác</b>	<b>22</b>		<b>20,000,000</b>	<b>-</b>



	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
3	Tiền cho vay, mua bán công nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
6	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	V.36	89,000,577	1,738,065,441
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4,432,272,316)</b>	<b>(3,196,166,631)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		141,749,140,978	146,301,799,691
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(137,468,930,003)	(116,829,475,113)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,199,971,200)	(9,597,924,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2,919,760,225)</b>	<b>19,874,400,578</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(3,955,763,913)</b>	<b>(7,693,587,773)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5,401,944,760</b>	<b>13,093,752,421</b>
	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10,007,874	1,780,112
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.48</b>	<b>1,456,188,721</b>	<b>5,401,944,760</b>

Người lập biểu

  
Trần Thị Mỹ Thạnh

Kế toán trưởng

  
Thái Thanh Thủy

TP. HCM, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

  
  
Phạm Huệ Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2001 (số đăng ký kinh doanh: 4103000281), đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

#### 2. Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

#### 3. Hoạt động chính của Công ty

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 4. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất tấm lợp, cấu kiện bê tông. Sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc cơ khí. Thi công xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1, Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản). Thiết kế: kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (việc cung cấp dịch vụ cần tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn - không hoạt động tại trụ sở).

#### 5. Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc bao gồm:

Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn

Trụ sở chính: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001382: 30.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 38%

**6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

**7. Tổng số nhân viên đến 31/12/2013:** 475 người (Tổng số nhân viên đến 31/12/2012: 496 người)

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo Cáo Tài Chính”.

## **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

“Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.”

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.

Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 5.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	Thời hạn tối đa 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty liên kết: được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các Công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các Công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 “ Chi phí đi vay”.

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại Công ty bao gồm: giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.

## **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, chi phí bán hàng, các chi phí phải trả khác.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các Cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Khoản chi phí này được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

### **17. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2013: 21.086 VND/USD.

Trong năm, Ban Tổng Giám Đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS10”) sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### **18. Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### **19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty cổ phần Nam Việt. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty cổ phần Nam Việt, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám Đốc, Hội Đồng Quản Trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những Công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.







# NAVIFICO

---

Địa chỉ: 18F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, quận 9, Tp HCM, Việt Nam  
Điện thoại: (84)837313443 - (84) 837313991 Fax: (84) 837313641  
Website: [www.navifico.vn](http://www.navifico.vn) Email: [naviinfo@navifico-corp.com](mailto:naviinfo@navifico-corp.com)